

TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƠN LA

**SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ
LỚP BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THÁI KHÓA 6 NĂM 2024 (K6.24)**

(Quyết định số 119/QĐ-CĐSL ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)

Chương trình bồi dưỡng: Theo Quyết định số 254/QĐ-CĐSL ngày 04/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc lựa chọn chương trình, tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông

Thời gian khóa học: Từ ngày 27/9/2024 đến ngày 17/01/2025

Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Sơn La

Ngày cấp chứng chỉ: 20/3/2025

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Bùi Tuấn	Anh	13/02/1981	Nam	Kinh	Hà Nội	6.7	Khá	C 00066561	14/C11/2025/098		
2	Đoàn Tuấn	Anh	12/06/1990	Nam	Kinh	Sơn La	6.5	Khá	C 00066562	14/C11/2025/099		
3	Lường Thị	Cúc	10/07/1999	Nữ	Thái	Sơn La	7.8	Khá	C 00066563	14/C11/2025/100		
4	Lò Thị	Cường	20/04/1995	Nữ	Thái	Sơn La	7	Khá	C 00066564	14/C11/2025/101		
5	Lò Văn	Cường	03/09/1996	Nam	Thái	Sơn La	7.3	Khá	C 00066565	14/C11/2025/102		
6	Tòng Thị	Chiến	14/05/1999	Nữ	Thái	Sơn La	7.7	Khá	C 00066566	14/C11/2025/103		
7	Nguyễn Hữu	Chung	12/03/1978	Nam	Kinh	Sơn La	7.6	Khá	C 00066567	14/C11/2025/104		
8	Hoàng Văn	Dơ	20/04/1988	Nam	Thái	Sơn La	7.4	Khá	C 00066568	14/C11/2025/105		
9	Lù Thị	Dung	07/11/1996	Nữ	Thái	Sơn La	7.7	Khá	C 00066569	14/C11/2025/106		
10	Tòng Thùy	Dung	26/05/1997	Nữ	Thái	Sơn La	7.2	Khá	C 00066570	14/C11/2025/107		
11	Bùi Đức	Duy	04/06/1990	Nam	Kinh	Thái Bình	7.6	Khá	C 00066571	14/C11/2025/108		
12	Lò Thị	Duyên	04/09/2002	Nữ	Thái	Sơn La	7.7	Khá	C 00066572	14/C11/2025/109		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
13	Đinh Tùng	Dương	01/10/1999	Nam	Mường	Sơn La	7.2	Khá	C 00066573	14/C11/2025/110		
14	Nguyễn Anh	Đức	14/02/1981	Nam	Kinh	Hà Nội	6.6	Khá	C 00066574	14/C11/2025/111		
15	Phạm Hương	Giang	10/08/1993	Nữ	Kinh	Sơn La	7.5	Khá	C 00066575	14/C11/2025/112		
16	Trương Quỳnh	Giang	16/11/1999	Nữ	Kinh	Sơn La	7.5	Khá	C 00066576	14/C11/2025/113		
17	Lò Thị	Hà	17/04/1996	Nữ	Thái	Sơn La	7.4	Khá	C 00066577	14/C11/2025/114		
18	Nguyễn Thu	Hà	24/11/1990	Nữ	Kinh	Sơn La	8	Giỏi	C 00066578	14/C11/2025/115		
19	Cầm Thị	Hằng	08/05/1979	Nữ	Thái	Sơn La	7.8	Khá	C 00066579	14/C11/2025/116		
20	Ngân Thị	Hiền	16/07/1987	Nữ	Thái	Sơn La	7.3	Khá	C 00066580	14/C11/2025/117		
21	Điêu Thị	Huân	10/04/1985	Nữ	Thái	Sơn La	8	Giỏi	C 00066581	14/C11/2025/118		
22	Điêu Văn	Huế	18/05/1980	Nam	Thái	Sơn La	7.5	Khá	C 00066582	14/C11/2025/119		
23	Lò Thị Minh	Huệ	25/04/1974	Nữ	Thái	Sơn La	7.7	Khá	C 00066583	14/C11/2025/120		
24	Vì Thị Thu	Huyền	02/10/1997	Nữ	Thái	Sơn La	7.1	Khá	C 00066584	14/C11/2025/121		
25	Nguyễn Thị Lan	Hương	23/07/1997	Nữ	Kinh	Quảng Bình	7	Khá	C 00066585	14/C11/2025/122		
26	Phạm Thùy	Hương	18/03/1983	Nữ	Kinh	Sơn La	7.7	Khá	C 00066586	14/C11/2025/123		
27	Lò Thị	Khiêm	08/08/1994	Nữ	Thái	Sơn La	7.6	Khá	C 00066587	14/C11/2025/124		
28	Điêu Chính	Khiển	04/12/1975	Nam	Thái	Sơn La	7.6	Khá	C 00066588	14/C11/2025/125		
29	Phạm Khánh	Lâm	05/11/1995	Nam	Kinh	Sơn La	6.9	Khá	C 00066589	14/C11/2025/126		
30	Hà Văn	Liên	17/07/1989	Nam	Thái	Sơn La	7.4	Khá	C 00066590	14/C11/2025/127		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
31	Điêu Thị	Lương	25/10/1995	Nữ	Thái	Sơn La	7.4	Khá	C 00066591	14/C11/2025/128		
32	Lò Thị	Mai	06/06/1985	Nữ	Thái	Sơn La	7.4	Khá	C 00066592	14/C11/2025/129		
33	Lữ Văn	Minh	02/11/1978	Nam	Thái	Sơn La	7.5	Khá	C 00066593	14/C11/2025/130		
34	Nguyễn Tuấn	Minh	17/09/1998	Nam	Thái	Sơn La	7.2	Khá	C 00066594	14/C11/2025/131		
35	Lường Văn	Nghiên	16/10/2000	Nam	Thái	Sơn La	7.3	Khá	C 00066595	14/C11/2025/132		
36	Lò Thị	Ngỏ	01/12/1992	Nữ	Thái	Sơn La	7.3	Khá	C 00066596	14/C11/2025/133		
37	Lò Thị	Ngoan	19/01/2002	Nữ	Thái	Sơn La	7.5	Khá	C 00066597	14/C11/2025/134		
38	Ngân Văn	Ngoan	16/05/1985	Nam	Thái	Sơn La	7.5	Khá	C 00066598	14/C11/2025/135		
39	Lê Văn	Ngọc	15/10/1991	Nam	Kinh	Sơn La	7.3	Khá	C 00066599	14/C11/2025/136		
40	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	24/11/1996	Nữ	Kinh	Sơn La	7.1	Khá	C 00066600	14/C11/2025/137		
41	Điêu Chính	Phú	13/10/1996	Nam	Thái	Sơn La	6.6	Khá	C 00066601	14/C11/2025/138		
42	Nguyễn Trọng	Phúc	13/10/1994	Nam	Kinh	Điện Biên	7	Khá	C 00066602	14/C11/2025/139		
43	Tòng Văn	Quyết	04/07/1983	Nam	Thái	Sơn La	7.6	Khá	C 00066603	14/C11/2025/140		
44	Lường Thị	Quỳnh	05/10/1986	Nữ	Thái	Sơn La	6.9	Khá	C 00066604	14/C11/2025/141		
45	Lò Văn	Sinh	20/08/1981	Nam	Thái	Sơn La	7	Khá	C 00066605	14/C11/2025/142		
46	Là Văn	Toàn	27/10/2001	Nam	Thái	Sơn La	7.4	Khá	C 00066606	14/C11/2025/143		
47	Quảng Văn	Thành	02/09/2002	Nam	Thái	Sơn La	8.3	Giỏi	C 00066607	14/C11/2025/144		
48	Lò Thị	Thắm	17/06/1993	Nữ	Thái	Sơn La	7.5	Khá	C 00066608	14/C11/2025/145		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTB cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
49	Lò Thị	Thiện	20/11/1993	Nữ	Thái	Son La	7.5	Khá	C 00066609	14/C11/2025/146		
50	Lò Văn	Thiệt	22/05/1990	Nam	Thái	Son La	7.2	Khá	C 00066610	14/C11/2025/147		
51	Sùng A	Thống	25/03/1995	Nam	Mông	Son La	6.8	Khá	C 00066611	14/C11/2025/148		
52	Lường Thị	Thu	29/08/1995	Nữ	Thái	Son La	7.7	Khá	C 00066612	14/C11/2025/149		
53	Lò Văn	Thử	09/12/1998	Nam	Thái	Son La	7	Khá	C 00066613	14/C11/2025/150		
54	Điền Chính	Thương	21/05/1990	Nam	Thái	Son La	7.7	Khá	C 00066614	14/C11/2025/151		
55	Vũ Thị	Thương	16/07/1999	Nữ	Kinh	Son La	7.5	Khá	C 00066615	14/C11/2025/152		
56	Đoàn Sơn	Trà	27/09/1992	Nam	Kinh	Hải Dương	6.7	Khá	C 00066616	14/C11/2025/153		
57	Lò Thị	Xa	01/05/1987	Nữ	Thái	Son La	7.4	Khá	C 00066617	14/C11/2025/154		
58	Lường Thị	Xiềng	04/08/1998	Nữ	Thái	Son La	7.1	Khá	C 00066618	14/C11/2025/155		
59	Điền Thị	Xuyến	10/12/1982	Nữ	Thái	Son La	7.5	Khá	C 00066619	14/C11/2025/156		
60	Là Văn	Yên	02/12/1982	Nam	Thái	Son La	6.7	Khá	C 00066620	14/C11/2025/157		

Danh sách gồm có 60 học viên./.

Son La, ngày 20 tháng 3 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long